

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM PỒ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/HS-ST**

Ngày 29 - 9 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Hỷ và ông Lò Văn Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nậm Pồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HS ngày 01/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 16/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn C, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1989 tại thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản E, xã K, Thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn T và con bà: Lò Thị H; Bị cáo chưa có vợ. Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/3/2020 cho tới nay, có mặt.

2. Lường Văn T, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1984 tại huyện A, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện A, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lường Văn D và con bà: Quảng Thị N; Bị cáo có vợ là Quảng Thị H, sinh năm: 1986 và có 02 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/3/2020 cho tới nay, có mặt.

3. Bùi Văn D Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1972 tại Thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Tổ 13, phường H, Thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Thanh V và con bà: Trần Thị T; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978 (đã ly hôn năm 2011) và có 01 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số 54/2015/HSST, ngày 04/6/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên xử phạt 42 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 22/5/2018 bị cáo chấp hành xong án

phạt tù. Hiện bị cáo chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự và phần án phí giá ngạch là 8.856.250 đồng. Ngày 20/3/2020 bị cáo phạm tội mới khi chưa được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/3/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Nậm Pồ cho tới nay, có mặt.

Về nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân Thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP xử phạt 42 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 54/2015/HSST, ngày 04/6/2015, ngày 22/5/2018 bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Văn Đức, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Đội 2, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Người làm chứng: Bùi Công Trụ, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Thôn Hồng Thịnh, xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/3/2020 Lò Văn C, Lường Văn T và Bùi Văn D đang ăn cơm trưa tại lán công trình nhà công sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Nậm Pồ thì cả nhóm cùng bàn bạc ứng tiền công từ quản lý công trình để đi mua Heroine về cùng sử dụng. Sau khi ăn cơm xong C đến gặp quản lý công trình là ông Bùi Công Trụ và ứng được 500.000 đồng. C quay về báo cho T và D biết đã ứng được tiền. Sau khi ứng được tiền C cầm tiền đi bộ một mình ra ngoài đường để tìm mua ma túy. Khi C đi đến khu vực bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ thì gặp một người tự giới thiệu tên là Vương, C hỏi và mua được 01 gói bên trong gồm 10 gói Heroine với giá 500.000 đồng. Mua được ma túy C không biết Vương đi đâu, làm gì còn C cầm số Heroine vừa mua được trở về lán. Khi về đến lán công trình C mở gói Heroine ra chia cho T và D mỗi người 01 gói. Cả nhóm thấy Lê Văn Đức đang nằm ở lán trên, C gọi Đức xuống và đưa cho Đức 01 gói Heroine rồi C đưa 06 gói Heroine còn lại cho D cất giấu để cả nhóm sử dụng dần. C và D mỗi người đã sử dụng hết 01 gói Heroine được chia. Hồi 13 giờ 30 phút khi Lường Văn T đang cầm gói Heroin được chia chuẩn bị sử dụng thì bị tổ công tác Công an huyện Nậm Pồ phối hợp với Công an xã Nà Hỳ phát hiện bắt quả tang Lường Văn T đang cầm gói Heroin trên tay, sau đó Bùi Văn D đã đem số ma túy mà C đưa cho D cất giấu ở đầu giường ngủ của D ra giao nộp cho tổ công tác. Trong lúc tổ công tác đang khống chế Lường Văn T và Bùi Văn D thì Lê Văn Đức đã lén ném gói Heroine mà C đưa cho ra phía sau cửa sổ nhà công trình đang thi công. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lường Văn T và Bùi Văn D và thu giữ toàn 06 gói ni lông chứa Heroine và 01 gói giấy bạc chứa Heroine là vật chứng vụ án. Đồng thời ra Lệnh

giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn C và Lê Văn Đức để điều tra làm rõ hành vi có liên quan đến tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ma túy và lấy mẫu giám định ngày 23/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nậm Pồ xác định ma túy thu giữ của Lường Văn T và Bùi Văn D có tổng khối lượng 0,56 gam nghi Heroine và lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định.

Bản kết luận giám định số: 282/GĐ-PC09, ngày 29/3/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 07 (bảy) mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Lường Văn T và Bùi Văn D gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

Bản cáo trạng số: 46/CT-VKSNP ngày 01/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị can Lường Văn T, Lò Văn C và Bùi Văn D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo C, T và D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội. Đối với Bùi Văn D có 02 tiền án, cần xem xét áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14, theo hướng có lợi cho bị cáo nên không áp dụng tình tiết định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự tại bản án số 16/2011/HSST của Tòa án nhân dân Thành phố ĐBP đối với bị cáo Bùi Văn D.

Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo C, T và D phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn C mức án từ 20 đến 26 tháng tù, bị cáo Lường Văn T mức án từ 18 đến 24 tháng tù, bị cáo Bùi Văn D 20 đến 26 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Gồm 0,56 gam Heroine, Cơ quan điều tra đã gửi toàn bộ làm mẫu gửi giám định nên không đề nghị xử lý.

Miễn án phí án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo C, T theo quy định. Bị cáo Bùi Văn D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo C, T và D đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 20/3/2020 các bị cáo Lương Văn T và Bùi Văn D đã bị tổ công tác Công an huyện Nậm Pồ và công an xã Nà Hỳ bắt quả tang tại lán công trình Chi cục thi hành án dân sự huyện Nậm Pồ, thu giữ của Lương Văn T và Bùi Văn D 0,56 gam Heroine. Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nậm Pồ đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn C và Lê Văn Đức.

Tại phiên tòa các bị cáo C, T và D giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Biên bản niêm phong vật chứng; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và lấy mẫu giám định ngày 23/3/2020; Kết luận giám định số 282/GĐ-PC09, ngày 29/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo Lò Văn C, Lương Văn T và Bùi Văn D đã có hành vi phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Các bị cáo Lò Văn C, Lương Văn T và Bùi Văn D đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giữ vững kỷ cương của pháp luật góp phần đẩy lùi tội phạm ma túy và nhằm răn đe, phòng ngừa C trong nhân dân.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất, không có sự phân công vai trò cụ thể cho từng người nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm đơn giản, nhất thời phạm tội. Tuy nhiên bị cáo C là người khởi xướng, thực hiện hành vi phạm tội tích cực đi ứng tiền và đi mua ma túy cho T và D cùng sử dụng nên giữ vai trò chính, cần xem xét cân nhắc khi lượng hình đối với C.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo Lò Văn C, Lương Văn T chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Bùi Văn D có nhân thân xấu, có 02 tiền án, cần xem xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của về thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bản án số 16/2011/HSST theo hướng có lợi cho bị cáo nên không áp dụng tình tiết định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo

Bùi Văn D. Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố ĐBP xử phạt 42 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án số 54/2015/HSST, ngày 04/6/2015, ngày 22/5/2018 bị cáo chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự và phần án phí giá ngạch là 8.856.250 đồng. Ngày 20/3/2020 bị cáo phạm tội mới khi chưa được xóa án tích là thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo C, T và D đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 249/BLHS, xét thấy các bị cáo C, T và D đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nậm Pồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Pồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo C, T và D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Những vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên Vương, theo lời khai của bị cáo Lò Văn C là người đã bán ma túy cho C. Do C không biết rõ họ tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh và xử lý đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Lò Văn C.

Đối với Lê Văn Đức là người được Lò Văn C cho 01 gói Heroine để sử dụng. Quá trình điều tra đã làm rõ Đức không tham gia bàn bạc và góp tiền đi mua ma túy với các bị cáo C, T và D. Cơ quan điều tra không truy tìm được gói Heroine của Đức nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Đức nên đã ra quyết định trả tự do cho người bị tạm giữ đối với Lê Văn Đức.

Đối với Bùi Công Trụ là người đã cho các bị cáo C, T và D ứng tiền công, Trụ không biết việc bị cáo Lò Văn C ứng tiền đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Bùi Công Trụ.

[8] Về vật chứng vụ án: Gồm 0,56 gam Heroine Cơ quan điều tra đã lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định nên không cần xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Xét thấy gia đình bị cáo Lường Văn T là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm. Buộc các Lò Văn C và Bùi Văn D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Quyền kháng cáo: Các bị cáo C, T, D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các Lò Văn C, Lường Văn T và Bùi Văn D phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

[2] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38/BLHS:

Xử phạt bị cáo Lò Văn C 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù, kể từ ngày bắt: 20/3/2020.

Xử phạt bị cáo Lường Văn T 20 (*Hai mươi*) tháng tù, kể từ ngày bắt: 20/3/2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38/BLHS:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù, kể từ ngày bắt: 20/3/2020.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Văn T và Lò Văn C. Buộc bị cáo Bùi Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo ;
- CQĐT Công an huyện Nậm Pồ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Nậm Pồ;
- CQTHAHS huyện Nậm Pồ;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nậm Pồ;
- PC 81 CA tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Nậm Pồ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án; HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vàng Thị Dưa

